

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-7-2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi, bà Đinh Thị Lương Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thành P, sinh năm: 1977; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm: 1975; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2021 và các bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thành P trình bày: Bà P và ông Võ Văn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2005 có làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B. Bà P và ông K chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn K.

Về con chung: Bà P và ông K có 02 con chung là cháu Võ Thị P, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2000 và cháu Võ Phương N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2007. Vợ chồng ly hôn bà P yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nghi, bà P không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con (cháu P đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 4 năm 2021 bị đơn ông Võ Văn K trình bày: Ông K và bà Nguyễn Thị Thành P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2005 có làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B. Vợ chồng ông K chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, hiện tại hai vợ chồng đã ly thân.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án không có vi phạm về thủ tục tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà P và ông K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

- Về con chung: Bà P có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Cháu Nghi có nguyện vọng được ở với mẹ là bà P. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà P, giao cháu Nghi cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn K. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông K có nơi cư trú tại Ấp 4, xã T, thành phố Đ, tỉnh B, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý, giải quyết là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bà P, ông K. Bà P đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt hợp lệ. Ông K vắng mặt không có lý do. Trong

quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử... Tuy nhiên, ông K vẫn không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên tòa. Việc ông K vắng mặt tại phiên tòa là tự mình từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2005 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 47, ngày 01 tháng 7 năm 2005. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà P và ông K là hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ.

Xét tình trạng hôn nhân của bà P và ông K: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà P đều yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn K vì mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 14 tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ cũng xác định tình trạng hôn nhân của bà P, ông K là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau nhưng bà P, ông K đã ly thân từ năm 2020, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai người có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của bà P, ông K là rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

- Về con chung:

Xét điều kiện nuôi con của bà P: Bà P là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nghi. Bà P có nhà và đang là giáo viên trường tiểu học X, thu nhập ổn định hàng tháng của bà là 11.000.000 đồng. Như vậy về điều kiện nuôi con thì bà P có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Nghi, đảm bảo cho cháu có cuộc sống tốt nhất về mọi mặt.

Xét nguyện vọng của cháu Nghi: Cháu N còn nhỏ, mới 14 tuổi, độ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của bố, mẹ. Tại bản lời khai ngày 02 tháng 6 năm 2021 cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ là bà P. Xét nguyện vọng của cháu N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của bà P được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P, ông K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài về nội dung vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 48, 227, 228, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thành P về việc “Ly hôn”. Bà Nguyễn Thị Thành P được ly hôn với ông Võ Văn K (*Đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 47, do Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B cấp ngày 01 tháng 7 năm 2005*).

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thành P về việc nuôi con. Giao cháu Võ Phương N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2007 cho bà Nguyễn Thị Thành P chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P, ông K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thành P phải chịu là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số:

0026211, quyền số: 000525 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài. Bà P đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thành P và ông Võ Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CCTHADS TP Đồng Xoài;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Ngô Ngọc Linh